

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2022
của UBND tỉnh Nam Định)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Các nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng sản xuất X5 (thành hình + may)

Bụi, khí thải phát sinh từ chuyền thành hình và chuyền may được thu gom, xử lý và thải ra môi trường qua 04 ống phóng không.

- Nguồn số 2: Các nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng sản xuất X6 (thành hình + may)

Bụi, khí thải phát sinh từ chuyền thành hình và chuyền may được thu gom, xử lý và thải ra môi trường qua 05 ống phóng không.

- Nguồn số 3: Các nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng sản xuất X7 (thành hình + may)

Bụi, khí thải phát sinh từ chuyền thành hình và chuyền may được thu gom, xử lý và thải ra môi trường qua 05 ống phóng không.

- Nguồn số 4: Các nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng sản xuất X8 (gia công đế và CMP)

Bụi, khí thải phát sinh từ phòng mài EVA; chuyền IP rửa nước; chuyền rửa nước chuyền chiếu xạ C, D; chuyền quét nước xử lý chuyền chiếu xạ C; chuyền quét nước xử lý chuyền chiếu xạ D; máy chiếu xạ C, D; chuyền rửa nước chuyền rửa nước C, D; khu vực quét keo C; khu vực quét keo D; khu vực dán hợp C, D; khu vực dán hợp E, F; khu vực kiểm hàng (QC) được thu gom, xử lý và thải ra ngoài qua 12 ống phóng không.

- Nguồn số 5: Các nguồn phát sinh khí thải tại nhà xưởng sản xuất X10 (in lụa + thành hình + may)

Bụi, khí thải phát sinh từ chuyền in lụa; khu vực pha mực cho chuyền in lụa; khu vực phòng rửa khung in; chuyền thành hình (03 chuyền); máy cắt laser chuyền may được thu gom, xử lý và thải ra ngoài qua 18 ống phóng không.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả

2.1. Vị trí xả khí thải

Bảng 3: Vị trí và lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Ký hiệu	Lưu lượng (m ³ /h)
I	Khu vực xưởng sản xuất X5 (thành hình + may)		
1	Chuyên thành hình (B1)	KT1	38.000
2	Chuyên thành hình (B2,3)	KT2	38.000
3	Chuyên may (B1,2)	KT3	21.000
4	Chuyên may (B2,3)	KT4	21.000
II	Khu vực xưởng sản xuất X6 (thành hình + may)		
1	Chuyên thành hình (B4)	KT5	38.000
2	Chuyên thành hình (B5)	KT6	38.000
3	Chuyên thành hình (B6)	KT7	38.000
4	Chuyên may (B4,5)	KT8	21.000
5	Chuyên may (B5,6)	KT9	21.000
III	Khu vực xưởng sản xuất X7 (thành hình + may)		
1	Chuyên thành hình (B7)	KT10	38.000
2	Chuyên thành hình (B8)	KT11	38.000
3	Chuyên thành hình (B9)	KT12	38.000
4	Chuyên may (B7,8)	KT13	21.000
5	Chuyên may (B8,9)	KT14	21.000
IV	Khu vực xưởng sản xuất X8 (gia công đế)		
1	Phòng mài EVA	KT15	
2	Chuyên IP rửa nước	KT16	21.000
3	Chuyên rửa nước chuyên chiếu xạ C, D	KT17	21.000
4	Chuyên quét nước xử lý chuyên chiếu xạ C	KT18	21.000
5	Chuyên quét nước xử lý chuyên chiếu xạ D	KT19	21.000
6	Máy chiếu xạ C, D	KT20	21.000
7	Chuyên rửa nước chuyên rửa nước C, D	KT21	21.000
8	Khu vực quét keo C	KT22	21.000
9	Khu vực quét keo D	KT23	21.000
10	Khu vực dán hợp C, D	KT24	21.000
11	Khu vực dán hợp E, F	KT25	21.000
12	Khu vực kiểm hàng (QC)	KT26	21.000

V	Khu vực xưởng sản xuất X10 (in lụa + thành hình + may)		
1	Chuyên in lụa 1&2	KT27	22.000
2	Chuyên in lụa 3&4	KT28	22.000
3	Chuyên in lụa 5&6	KT29	22.000
4	Chuyên in lụa 7&8	KT30	22.000
5	Chuyên in lụa 9&10	KT31	22.000
6	Chuyên in lụa 11&12	KT32	22.000
7	Chuyên in lụa 13&14	KT33	22.000
8	Chuyên in lụa 15&16	KT34	22.000
9	Chuyên in lụa 17&18	KT35	22.000
10	Chuyên in lụa 19&20	KT36	22.000
11	Chuyên in lụa 21&22	KT37	22.000
12	Khu vực pha mực cho chuyên in lụa	KT38	22.000
13	Khu vực phòng rửa khung in	KT39	22.000
14	Chuyên thành hình C1&C2	KT40	38.000
15	Chuyên thành hình C3	KT41	38.000
16	Chuyên may C1&C2	KT42	21.000
17	Chuyên may C3	KT43	21.000
18	Máy cắt laser chuyên may	KT44 - KT46	21.000

2.2. Phương thức xả thải

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Khí thải xả gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Bảng 4: Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trong khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_p = 1$; $K_v = 1,2$)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240	
2	Toluen	mg/Nm ³		750
3	Benzen	mg/Nm ³		5

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

1.1.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ máy mài đá

Bụi, khí thải phát sinh từ máy mài đá được thu gom, xử lý qua hệ thống xyclon trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.1.2. Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất

Hơi mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom, xử lý qua 46 hệ thống xử lý bụi, hơi mùi khí thải bằng than hoạt tính.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Đối với bụi, khí thải phát sinh từ máy mài đá

Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh → Quạt hút (công suất 5,5 Kw) → Thiết bị lọc bụi xyclon (Φ80) thông qua các họng hút được gắn liền máy mài → Dòng khí theo ống trung tâm thoát ra ngoài.

1.2.2. Đối với hơi mùi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất

- Quy trình công nghệ: Bụi, hơi mùi khí thải phát sinh → Chụp hút (đường kính 250 mm đối với phễu hút khí và 01 m đối với chụp hút; phễu hút khí được đầu nối với ống dẫn khí bằng ống đàn hồi (ống kính thiên văn) đường kính 100 mm. Chụp hút đầu nối với ống dẫn khí bằng ống nhánh đường kính 350 mm), quạt hút (công suất từ 5,5 kW đến 15kW; riêng đối với khu vực phát sinh hơi mùi keo công suất quạt hút là 15 kW)) → Thiết bị chứa than hoạt tính (được chia làm 02 khoang, mỗi khoang có 04 khay chứa than hoạt tính, xếp theo chiều thẳng đứng từ trên xuống dưới; giữa các khay được chắn bằng tấm lưới để than không bị rơi ra ngoài) → 01 quạt hút công suất 5,5 kW → Ống phóng không cao từ 2,5 đến 10 m (tính từ thiết bị chứa than hoạt tính đến miệng ống thoát khí).

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính với khối lượng khoảng 500 kg/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Trong trường hợp hệ thống xử lý hơi mùi khí thải xảy ra sự cố, Chủ dự án tiến hành kiểm tra xác định nguyên nhân để sửa chữa. Nếu chưa khắc phục được kịp thời, phải tạm dừng sản xuất tại công đoạn đó, sau khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động sản xuất trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Chi tiết tại Bảng 3.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.2.2 Mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tiến hành lấy tại các lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không, sau hệ thống xử lý khí thải trong 03 ngày liên tiếp. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1,2$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Nghĩa Hưng để kịp thời xử lý.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật./.